

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HS-PT

Ngày: 21-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2020/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ 2, Khu phố 6, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh Đ và bà Phạm Thị T; vợ: Phạm Thị Mộng Tr (chưa ly hôn nhưng không còn chung sống vợ chồng); con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T có vợ (có đăng ký kết hôn) và 02 con, hai người đã chia tay nhưng chưa ra Tòa án để ly hôn. Vào năm 2014; Tâm quen biết chị Trần Thị Trường U, cả hai thuê nhà trọ sống chung như vợ chồng và có 01 con chung tên Trần Hoài A, sinh năm 2015. Quá trình chung sống, T thường xuyên uống rượu về đánh đập

chị U nên cả hai chia tay. Đến năm 2019; chị U quen anh Nguyễn Văn B, cả hai cùng nhau đến thuê nhà trọ 8 Ngon ở ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chung sống như vợ chồng.

Vào khoảng 15 giờ ngày 24/12/2019, Nguyễn Văn T dẫn theo Trần Hoài A đến nhà trọ 8 Ngon tìm gặp chị U, còn anh B thì đi làm không có ở nhà. Khi gặp nhau, T và chị U ngồi trước cửa phòng trọ nói chuyện với nhau, khuyên chị U trở về chung sống với T nhưng chị U không đồng ý thì T đi vào phòng trọ lấy con dao Thái Lan ra quật ngã chị U xuống nền gạch, một tay nắm tóc, một tay cầm dao rạch nhiều nhát vào mặt, chị U đưa tay chụp lấy con dao thì T giật mạnh làm đứt tay, chị U giằng co với T và vùng vẫy thoát ra được bỏ chạy vào phòng trọ trốn. Sau đó, chị U được mọi người đưa đến bệnh viện điều trị thương tích, còn T ném bỏ con dao rồi dẫn Trần Hoài A ra về.

Vật chứng thu giữ khi khám nghiệm hiện trường gồm: 01 cái khăn bằng vải màu trắng hồng, sọc ô vuông kích thước 0,3m x 0,35m dính nhiều vết màu nâu đã khô; 01 con dao cán gỗ màu nâu có dán tem chữ KIW, lưỡi bằng kim loại sắc bén dài 12cm, mũi dao tròn của chị Trần Thị Trường U (chưa xử lý).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 06-0120/TgT ngày 17/01/2020 và Công văn số 30-320/PY-HCTC ngày 05/3/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận chị Trần Thị Trường U bị: Vết thương trán (ngoài tóc) kích thước 05cm x 1,5cm đã lành, sọc kích thước 05cm x 0,2cm: 04%; Vết thương từ gò má phải đến sau tai phải kích thước 13cm x 02cm; hiện vết thương gò má phải lành, sọc kích thước 07cm x 01cm: 09%; Vết thương sau tai phải lành, sọc kích thước 7,5cm x 0,2cm: 09%; Vết thương đốt gần ngón 2, 3, 4 dài 1,5cm, vết thương đốt giữa ngón 5 dài 01cm, đứt gân gấp ngón 2, 3, 4, 5 bàn tay trái; hiện vết thương lành, sọc kích thước 1,5cm x 0,1cm là 01%, 1,5cm x 0,1cm là 01%, 1,5cm x 0,1cm là 01%, 01cm x 0,1cm là 01%; các ngón 2, 3, 4, 5 gấp duỗi còn hạn chế. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra và xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 24%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2020/HS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 09/10/2020, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên; bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo tranh luận và nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện nuôi 03 người con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 24/12/2019, tại nhà trọ 8 Ngon thuộc ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Văn T đã vô cớ dùng dao là hung khí nguy hiểm rạch mặt chị Trần Thị Trường U gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 24%. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân, hung khí gây án và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội cố ý gây thương

tích” với tình tiết định khung “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như không có tiền án, tiền sự, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đã xử phạt bị cáo 02 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; chỉ vì khuyên bị hại trở về chung sống với nhau, bị hại không đồng ý nên bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm rạch nhiều nhất vào mặt bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 24%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, có tính chất côn đồ, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến thẩm mỹ của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng đang trực tiếp nuôi 03 người con chưa thành niên, yêu cầu được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con, xét thấy hiện nay giữa bị cáo với chị Phạm Thị Mộng Trinh chưa được Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên chưa thể xác định được ai là người phải có nghĩa vụ trực tiếp nuôi con, vì vậy bị cáo đưa ra lý do trực tiếp nuôi con để yêu cầu được hưởng án treo là chưa đủ cơ sở để chấp nhận; mặc khác, do bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như Kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ pháp luật.

[4] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 32/2020/HS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (4b);
- Công an và VKSND huyện Ba Tri (2b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND p. V, tp. G (1b);
- Bị cáo (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông